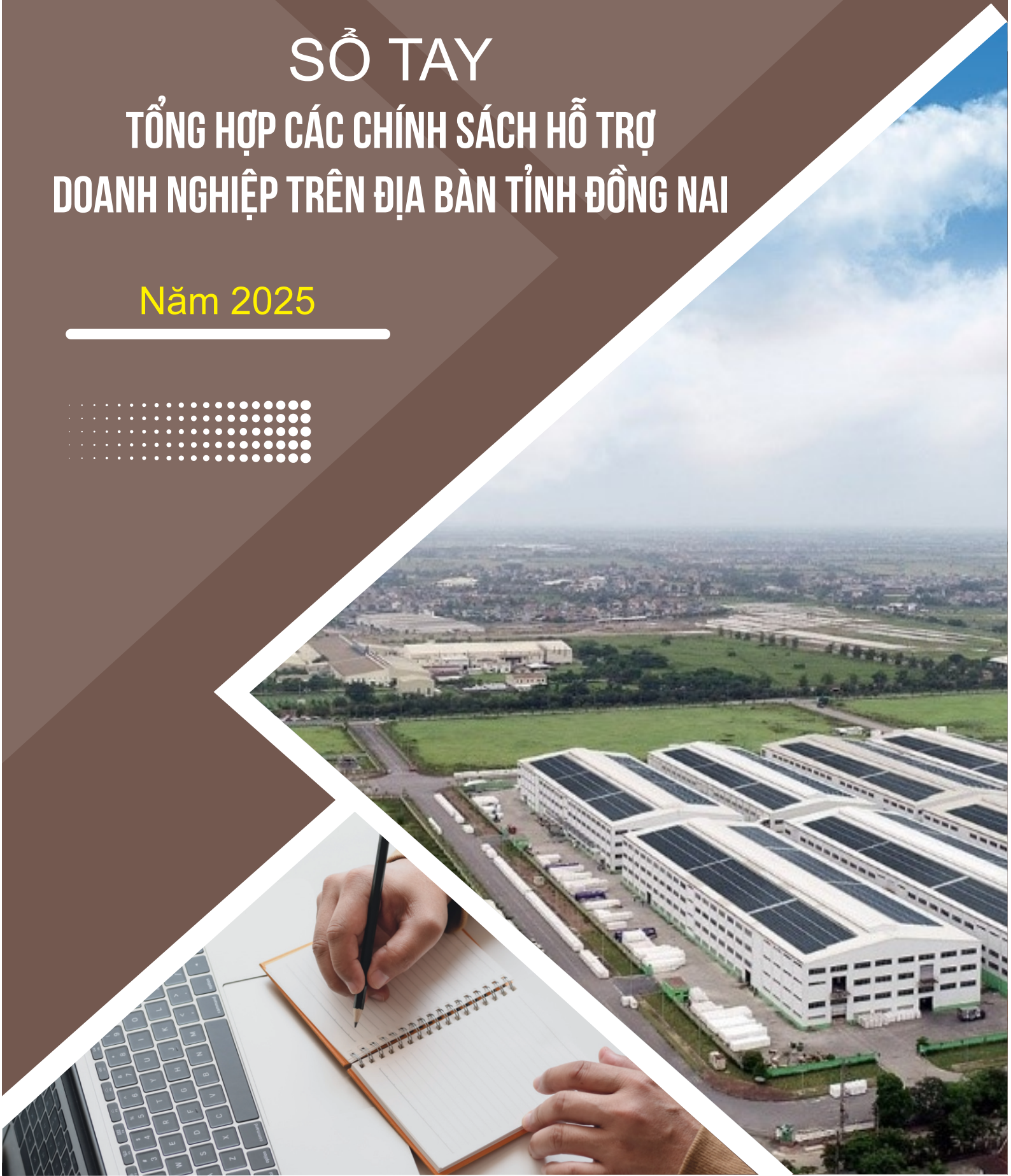


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

SỔ TAY
TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Năm 2025



MỤC LỤC

I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH	1
1. Hỗ trợ lãi suất cho vay ngắn hạn bằng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.....	1
2. Chương trình tín dụng quy mô khoảng 145.000 tỷ đồng cho vay đối với nhà đầu tư và người mua nhà của các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ với lãi suất ưu đãi theo từng thời kỳ.	1
3. Chương trình hỗ trợ vốn tín dụng đối với 02 ngày Lâm sản, Thủy sản quy mô 60.000 tỷ đồng	3
4. Hỗ trợ cho vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:	4
5. Chính sách cho vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai. ...	5
6. Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn:.....	6
7. Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp:	10
8. Chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.....	11
9. Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ: ...	12
II. LĨNH VỰC THUẾ - PHÍ:.....	14
1. Hỗ trợ giảm 2% thuế suất giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội.	14
2. Chính sách hỗ trợ về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với HTX:.....	15
3. Chính sách ưu đãi về thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/06/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.....	16
4. Chính sách miễn, giảm thu tiền phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	17
III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	17
1. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 – 2030	17
IV. LĨNH VỰC Y TẾ:.....	19
1. Hỗ trợ Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.	19
V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN	22

1. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.....	22
2. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	23
VI. LĨNH VỰC XÂY DỰNG	25
1. Ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, cho thuê	26
VII. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG.....	27
1. Chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến công.....	27
2. Hỗ trợ về thương mại điện tử	29
3. Hỗ trợ chương trình xúc tiến thương mại:.....	30
4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025:.....	41
5. Hỗ trợ khuyến công	44
6. Hỗ trợ theo Chương trình Khuyến công:.....	46
7. Chính sách khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ	48
VIII. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.....	49
1. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	49
2. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu phát triển.	50
3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số.	51
4. Chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chuyên giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao.	52
5. Chính sách hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	53
6. Chính sách hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm.....	54
7. Chính sách hỗ trợ chuyên giao công nghệ, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.....	55
8. Chính sách hỗ trợ thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyên giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến.	56
9. Chính sách hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ:.....	57

10. Chính sách hỗ trợ việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất thông minh.....	58
11. Chính sách hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kết, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.....	59
12. Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi.	60
13. Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ phục vụ việc duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống	61
14. Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước:.....	62
15. Chính sách hỗ trợ tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	63
16. Chính sách hỗ trợ tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị	64
17. Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	65
18. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	67
19. Chính sách hỗ trợ hoạt động truyền thông về khởi nghiệp sáng tạo	68
20. Chính sách hỗ trợ kết nối mạng lưới khởi nghiệp	68
21. Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.....	70
22. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	72
IX. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN QUAN KINH TẾ TẬP THỂ.....	73
1. Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm.....	73
2. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro	73
3. Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị	73
4. Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ..	74
5. Hỗ trợ vay vốn tại Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã.....	74
X. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO.....	75
1. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:	75

SỔ TAY
TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA
BẢN TỈNH ĐỒNG NAI

I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

1. Hỗ trợ lãi suất cho vay ngắn hạn bằng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

a) Đối tượng hỗ trợ: 05 nhóm đối tượng lĩnh vực và ngành kinh tế ưu tiên gồm:

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu.
- Sản xuất kinh doanh Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.
- Sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các doanh nghiệp đáp ứng quy định theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng.

c) Mức lãi suất hỗ trợ: Mức lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam áp dụng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối đa 4%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô ấn định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 5%/năm (và có điều chỉnh theo từng thời kỳ NHNN Việt Nam công bố lãi suất).

d) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Khách hàng liên hệ các tổ chức tín dụng để được hướng dẫn làm thủ tục vay vốn,

đ) Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực XII.

e) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 1125/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 của NHNN Việt Nam về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

2. Chương trình tín dụng quy mô khoảng 145.000 tỷ đồng cho vay đối với nhà đầu tư và người mua nhà của các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ với lãi suất ưu đãi theo từng thời kỳ.

a) Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng vay vốn (gọi là khách hàng) là pháp nhân, cá nhân đầu tư dự án và mua nhà ở tại các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân,

dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng công bố theo quy định, bao gồm:

- Khách hàng là Chủ đầu tư đầu tư dự án (gọi là Chủ đầu tư).
- Khách hàng là người mua nhà ở tại dự án (gọi là Người mua nhà).

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Khách hàng phải đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng; đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật.

- Mỗi người mua nhà chỉ được tham gia vay vốn 01 lần để mua 01 căn hộ tại dự án thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng công bố theo quy định, mỗi dự án của Chủ đầu tư chỉ được tham gia vay vốn theo quy định chương trình này 01 lần.

c) Thời gian ưu đãi:

- Đối với Chủ đầu tư: 03 năm kể từ ngày giải ngân nhưng không quá thời hạn cho vay tại thỏa thuận cho vay ban đầu.

- Đối với Người mua nhà: 05 năm kể từ ngày giải ngân nhưng không quá thời hạn cho vay tại thỏa thuận cho vay ban đầu.

- Thời hạn giải ngân Chương trình đến khi doanh số giải ngân đạt 145.000 tỷ đồng nhưng không quá ngày 31/12/2030.

d) Lãi suất cho vay:

Định kỳ 6 tháng, NHNN Việt Nam thông báo lãi suất cho vay trong thời gian ưu đãi cho các ngân hàng thương mại tham gia Chương trình. Theo đó, mức lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại áp dụng đối với dư nợ của các khoản cho vay đối với khách hàng đầu tư dự án và mua nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ cho giai đoạn hiện này (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 03/6/2025) như sau:

- Đối với Chủ đầu tư: 6,6%/năm.
- Đối với Người mua nhà: 6,1%/năm.

Lãi suất cho vay khi hết thời hạn ưu đãi: ngân hàng thương mại và khách hàng tự thỏa thuận, thống nhất, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và được xác định rõ hoặc nêu rõ cách xác định tại thỏa thuận cho vay ký kết giữa ngân hàng và khách hàng.

đ) Trình tự thủ tục: Khách hàng liên hệ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng thương mại để hướng dẫn.

e) Cơ quan chủ trì: Các thương mại cho khách hàng vay vốn để thực hiện Chương trình bằng nguồn vốn tự có, và có trách nhiệm xem xét, thẩm định, quyết định cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật về cho vay

và tự chịu trách nhiệm đối với khách hàng theo quy định của pháp luật về cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số ngân hàng tham gia Chương trình là 09: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh.

g) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định:

- Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

- Công văn số 2308/NHNN-TD ngày 01/4/2023 của NHNN Việt Nam triển khai chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ.

- Công văn số 10537/NHNN-CSTT ngày 26/12/2024 về việc lãi suất cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ.

3. Chương trình hỗ trợ vốn tín dụng đối với 02 ngày Lâm sản, Thủy sản quy mô 60.000 tỷ đồng

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Khách hàng có dự án/phương án phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản theo quy định tại Văn bản số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về triển khai Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản.

b) Điều kiện cho vay: Theo quy định cho vay tại các tổ chức tín dụng đăng ký tham gia Chương trình.

c) Nội dung ưu đãi:

- Lãi suất cho vay thấp hơn tối thiểu từ 1% - 2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn (ngắn hạn; trung, dài hạn) của chính ngân hàng cho vay áp dụng từng thời kỳ.

- Các ngân hàng thương mại theo thẩm quyền thực hiện miễn, giảm các loại phí dịch vụ đối với khách hàng tham gia Chương trình, phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động của ngân hàng.

Thời hạn giải ngân Chương trình đến khi có thông báo của NHNN Việt Nam về việc cho vay đạt quy mô (doanh số giải ngân đạt 60.000 tỷ đồng).

d) Cơ quan chủ trì: Các ngân hàng thương mại cho khách hàng vay vốn để thực hiện Chương trình bằng nguồn vốn tự có và có trách nhiệm xem xét,

thẩm định, Quyết định cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật về cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số ngân hàng đăng ký tham gia Chương trình là 15: Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Lộc Phát, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bản Việt, Ngân Hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh.

đ) Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Công văn số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023 của NHNN Việt Nam triển khai chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản.

- Công văn số 1813/NHNN-TD ngày 11/3/2024 của NHNN Việt Nam về việc triển khai chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản theo chỉ đạo của NHNN tại Văn bản số 5631/NHNN-TD.

- Công văn số 7849/NHNN-TD ngày 23/9/2024 về việc tiếp tục triển khai Chương trình tín dụng đối với Lâm sản, Thủy sản.

4. Hỗ trợ cho vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:

a) Đối tượng hỗ trợ: Các dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được UBND tỉnh ban hành trong từng thời kỳ bao gồm: Đầu tư kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển điện; đầu tư hệ thống cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải; đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; phát triển nông nghiệp, nông thôn; đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội; đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, trường học, chợ; đầu tư phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng...

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

- Có năng lực điều hành hoạt động, có năng lực tài chính, có phương án sản xuất kinh doanh có lãi và có phương án bảo đảm được nợ vay, có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

- Đã hoàn thành và bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc.

- Có vốn chủ sở hữu tham gia dự án tối thiểu 20% và phải bảo đảm đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, các điều kiện tài chính cụ thể của phần vốn đầu tư ngoài phần vốn vay tại Quỹ.

c) Hình thức cho vay: cho vay trung và dài hạn.

d) Mức hỗ trợ:

- Tối đa bằng 80% tổng mức đầu tư của dự án; đối với các dự án đầu tư nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước và một số trường hợp đặc biệt khác do UBND tỉnh quyết định.

đ) Lãi suất cho vay: Theo từng thời kỳ và ổn định trong suốt thời gian vay vốn.

e) Thời gian cho vay: Tùy theo dự án, tối đa là 15 năm.

g) Trình tự, thủ tục: Các đơn vị, chủ đầu tư liên hệ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh để được hướng dẫn làm thủ tục vay vốn.

h) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

- Số điện thoại: 0251.3829866 hoặc 0251.3817432

- Website: <http://www.dndif.com.vn>

i) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định 2932/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 12/QĐ-HĐQL ngày 20/5/2022 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế cho vay.

5. Chính sách cho vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

a) Đối tượng hỗ trợ: các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng các quy định cho từng phương thức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

c) Mục đích hỗ trợ: Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường.

trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ cho vay với lãi suất ưu đãi.

đ) Mức hỗ trợ: không vượt quá 80% tổng mức đầu tư trước thuế của chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường về xử lý và tiêu hủy chất thải rắn (rác thải) và không quá 70% tổng mức đầu tư trước thuế của chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường còn lại.

e) Lãi suất cho vay của Quỹ: Là lãi suất ưu đãi với lãi suất tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố vào cùng thời kỳ. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ.

g) Thời hạn hỗ trợ: áp dụng từ ngày 01/05/2024.

Được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 05 năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định nhưng không quá 07 năm.

h) Trình tự, thủ tục: Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo Quy chế hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường.

i) Cơ quan chủ trì thực hiện: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ: số 236 đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại liên hệ: 0251.8878494

k) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai

6. Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

a) Đối tượng hỗ trợ:

Khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là cá nhân và pháp nhân; Hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 116/NĐ/2018/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

- Khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là cá nhân và pháp nhân, bao gồm:

+ Cá nhân cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, chủ trang trại;

+ Pháp nhân bao gồm:

(i) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn nông thôn hoặc tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

(ii) Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, ngoại trừ: Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp khai khoáng, các đơn vị sản xuất điện và các doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại ý (iii) dưới đây nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất;

(iii) Doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất doanh nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

- Hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân khi tham gia quan hệ vay vốn thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch vay vốn hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch vay vốn. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khi có sự thay đổi người đại diện thì phải thông báo cho bên tham gia quan hệ vay vốn biết. Trường hợp thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ vay vốn không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ vay vốn do mình xác lập, thực hiện.

Hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân quy định tại khoản này bao gồm:

+ Hộ gia đình cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

+ Hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn nông thôn;

+ Tổ hợp tác trên địa bàn nông thôn hoặc tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

+ Doanh nghiệp tư nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, ngoại trừ các đối tượng sau: Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp khai khoáng, các đơn vị sản xuất điện và các doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại điểm đ bên dưới nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất;

+ Doanh nghiệp tư nhân cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp tư nhân sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.”.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các đối tượng được hỗ trợ hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

- Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.

- Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

- Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn.

- Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn.

- Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

c) Mục đích hỗ trợ:

Phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của nông dân, cư dân ở nông thôn.

d) Nội dung hỗ trợ:

- Cho vay không có tài sản đảm bảo;

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoanh nợ và cho vay mới;

- Khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết;

- Khuyến khích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Giảm lãi suất cho vay khi khách hàng tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay.

đ) Mức hỗ trợ:

- Cho vay không có tài sản bảo đảm (TSBĐ) đối với các đối tượng vay vốn tối đa từ 100 triệu đồng đến 3 tỷ đồng;

- Cho vay không có TSBĐ tối đa bằng 70% - 80% giá trị dự án, phương án cho vay các DN, HTX, liên hiệp HTX phát triển nông nghiệp theo mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao;

- Lãi suất cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn do khách hàng và tổ chức tín dụng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ;

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ và cho vay mới theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 55/2015/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định 116/2018/NĐ-CP;

- Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn theo quy định tại Điều 4 Nghị định 55 không phải nộp lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản và phí đăng ký giao dịch bảo đảm. - Khách hàng khi tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay, được TCTD giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm so với lãi suất của các khoản cho vay cùng loại và có thời hạn tương ứng.

e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

Theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP; Nghị định 116/2018/NĐ-CP; Thông tư 10/2015/TT-NHNN; Thông tư 25/2018/TT-NHNN và Quy chế cho vay của các NHTM.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư 10/2015/TT-NHNN.

h) Cơ quan phối hợp thực hiện:

Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

i) Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015; Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP.

7. Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp:

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân theo khoản 1 Điều 1 Quyết định 68/2013/QĐ-TTg.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các doanh nghiệp đáp ứng quy định theo Quy chế cho vay của các TCTD và Quyết định 68/2013/QĐ-TTg.

Điều kiện đượng hưởng hỗ trợ cụ thể như sau:

- Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đối tượng trực tiếp sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến nông sản, thủy sản; dịch vụ cơ giới nông nghiệp;

- Các doanh nghiệp có ký kết thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, dịch vụ cơ giới hóa với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nông dân;

- Các loại máy, thiết bị quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định 68/2013/QĐ-TTg phải là máy, thiết bị mới, chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Mục đích hỗ trợ: giảm tổn thất trong nông nghiệp.

d) Nội dung và mức hỗ trợ:

Đối tượng được vay tối đa 100% giá trị hàng hóa và được hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Đồng thời được ngân sách Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp; các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

đ) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

Theo quy định của các tổ chức tín dụng.

e) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

g) Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

h) Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

- Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg; Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT.

8. Chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

a) Đối tượng hỗ trợ: Chủ tàu đặt hàng đóng mới tàu, nâng cấp tàu (thay máy; gia cố bọc vỏ thép; bọc vỏ vật liệu mới; mua ngư lưới cụ, trang thiết bị hàng hải, trang thiết bị khai thác, trang thiết bị bảo quản sản phẩm, trang thiết bị bốc xếp hàng hóa) phục vụ hoạt động khai thác hải sản.

b) Điều kiện hỗ trợ: Chủ tàu phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014 và khoản 3 Điều 18 Thông tư 12/2018/TT-NHNN, Cụ thể:

- Đối với cho vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần khai thác hải sản:

+ Tàu đóng mới phải có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên; nâng cấp tàu có tổng công suất máy chính dưới 400CV thành tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên và nâng cấp công suất máy đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên;

+ Chủ tàu có tên trong danh sách phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đang hoạt động nghề cá có hiệu quả, có khả năng tài chính và có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể;

+ Chủ tàu cam kết mua đầy đủ bảo hiểm theo quy định đối với thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) sau khi hoàn thành việc đóng mới, nâng cấp tàu và trước khi đưa vào sử dụng;

+ Phương án vay vốn được ngân hàng thương mại thẩm định có hiệu quả, khả thi.

- Đối với cho vay vốn lưu động: Chủ tàu vay vốn lưu động đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.”

c) Mục đích hỗ trợ: phát triển thủy sản theo chủ trương của Chính phủ.

d) Nội dung hỗ trợ:

- Cho vay để chủ tàu đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

- Cho vay ngắn hạn để chủ tàu đảm bảo chi phí khai thác hải sản và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ.

đ) Mức hỗ trợ:

Hạn mức, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 1; Điểm c, Điểm d Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

Thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo quy định của các tổ chức tín dụng.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

h) Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

i) Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018

- Thông tư 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014; Thông tư 21/2015/TT-NHNN ngày 16/11/2015, Thông tư 12/2018/TT-NHNN ngày 27/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước.

9. Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ:

a) Đối tượng hỗ trợ: Pháp nhân và cá nhân có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch quy định tại QĐ 738/QĐ-BNN-

KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ NN&PTNT (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định 813/QĐ-NHNN).

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các đối tượng được hỗ trợ đáp ứng quy định theo Quy chế cho vay của các TCTD và Quyết định 813/QĐ-NHNN.

c) Mục đích hỗ trợ:

Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

d) Nội dung hỗ trợ:

- Ưu đãi về lãi suất;
- Khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo quy định của pháp luật;
- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và cho vay mới.

đ) Mức hỗ trợ:

- Các NHTM tự cân đối nguồn vốn để cho vay với lãi suất cho vay bằng VNĐ thấp hơn từ 0,5%/năm đến 1,5%/năm so với mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn của NHTM;
- Khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo quy định của pháp luật;
- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và cho vay mới theo quy định tại Điều 6 Quyết định 813/QĐ-NHNN.

e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

Theo Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017; Thông tư 39/2016/TT-NHNN và Quy chế cho vay của các NHTM.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Các Ngân hàng thương mại.

h) Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

i) Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của NHNN Việt Nam về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ.

II. LĨNH VỰC THUẾ - PHÍ:

1. Hỗ trợ giảm 2% thuế suất giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội.

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Tất cả các cơ sở kinh doanh bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động kinh doanh đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

- Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

b) Mức giảm thuế giá trị gia tăng:

- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

c) Trình tự, thủ tục thực hiện: Các cơ sở kinh doanh liên hệ Chi Cục Thuế khu vực XV để được hướng dẫn (theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ)

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi Cục Thuế khu vực XV.

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ

- Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội;

- Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

2. Chính sách hỗ trợ về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với HTX:

a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã (bao gồm: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế là đối tượng nộp thuế TNDN.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Người nộp thuế TNDN có tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

- Theo quy định của Điều 18 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp,

c) Mục đích hỗ trợ:

Khuyến khích hỗ trợ thuế TNDN với ưu đãi ở mức cao áp dụng cho HTX đặc biệt là HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

d) Nội dung hỗ trợ:

- HTX được miễn thuế TNDN đối với các khoản thu nhập sau:

+ Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản;

+ Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp;

+ Phân thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã.

đ) Mức hỗ trợ:

- Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% (trong khi thuế suất phổ thông là 20%) trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Ngoài ra, giống như các đối tượng nộp thuế TNDN khác, trường hợp HTX thực hiện dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng nếu đáp ứng điều kiện về lĩnh vực, địa bàn được ưu đãi theo quy định của Luật Thuế TNDN thì được ưu đãi về áp dụng mức thuế suất thấp (10%, 15% và 17%) và thời gian miễn thuế, giảm thuế tương ứng theo quy định của Luật Thuế TNDN.e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

g) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Chi Cục Thuế khu vực XV.

h) Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Hợp tác xã; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Chính sách ưu đãi về thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/06/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

Cá nhân, Hộ gia đình, Hộ nông dân, Hộ nông trường, xã viên Hợp tác xã, Hợp tác xã.

b) Nội dung hỗ trợ: Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025 cho hầu hết các đối tượng, Trong đó có:

- Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã,... (trừ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ

chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp).

c) Trình tự, thủ tục thực hiện: cá nhân, tổ chức có nhu cầu liên hệ Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi Cục thuế khu vực XV.

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/06/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

4. Chính sách miễn, giảm thu tiền phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a) Đối tượng và mức hỗ trợ:

- Miễn nộp phí cho các đối tượng sau:

+ Các hộ nghèo và cận nghèo theo tiêu chuẩn nghèo của tỉnh Đồng Nai;

+ Người cao tuổi;

+ Người khuyết tật;

+ Người có công với cách mạng

- Giảm 5% đối với tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện nộp phí bằng hình thức trực tuyến.

b) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách: Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

1. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 – 2030

a) Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng chợ nông thôn.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Chợ phù hợp quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo quy định;

- Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định;
- Dự án chợ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;
- Chợ được thiết kế và xây dựng phù hợp với từng cấp độ chợ theo quy định hiện hành.

b) Nguyên tắc hỗ trợ

- Không hỗ trợ đối với chợ đã được hưởng chính sách trong giai đoạn 2015 - 2019;
- Mỗi dự án xây dựng chợ nông thôn chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định này 01 (một) lần và được hỗ trợ thông qua đơn vị chủ trì thực hiện;
- Nội dung kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương được ưu tiên đầu tư các nội dung, hạng mục trong phạm vi chợ như: Chi phí thiết kế, thẩm tra, giám sát, quản lý dự án, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà lồng, hệ thống đường nội bộ, hệ thống cấp điện, cấp và thoát nước, hệ thống xử lý rác thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy, văn phòng ban quản lý, nhà vệ sinh, cổng, trang thiết bị an toàn thực phẩm và các hạng mục khác có liên quan (không hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư).

d) Mức hỗ trợ

- Đối với chợ thực hiện đầu tư xây dựng mới (chưa có chợ), xây mới trên nền chợ cũ, xây mới ở vị trí khác (để thực hiện di dời giải tỏa chợ)
 - + Đối với các huyện Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 60% (sáu mươi phần trăm)/tổng chi phí xây dựng công trình nhưng không quá 5 tỷ đồng (năm tỷ đồng)/01 chợ.
 - + Đối với các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 60% (sáu mươi phần trăm)/tổng chi phí xây dựng công trình nhưng không quá 4 tỷ đồng (bốn tỷ đồng)/01 chợ.
 - + Đối với thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 40% (bốn mươi phần trăm)/tổng chi phí xây dựng công trình nhưng không quá 4 tỷ đồng (bốn tỷ đồng)/01 chợ.
- Đối với chợ thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo
 - + Đối với các huyện Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo chợ tối đa không quá 60% (sáu mươi phần trăm)/tổng chi phí nâng cấp, cải tạo công trình.

+ Đối với thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom: Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo chợ tối đa 40% (bốn mươi phần trăm)/tổng chi phí nâng cấp, cải tạo công trình.

+ Căn cứ tiêu chuẩn phân hạng chợ và theo địa bàn huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh quy định tại điểm gạch đầu dòng thứ nhất, điểm gạch đầu dòng thứ hai khoản này, mức hỗ trợ đối với chợ hạng 02 không quá 3,5 tỷ đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng)/01 chợ, chợ hạng 03 không quá 3 tỷ đồng (ba tỷ đồng)/01 chợ.

đ) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

e) Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2030;

- Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025;

- Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2030.”

IV. LĨNH VỰC Y TẾ:

1. Hỗ trợ Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển dược liệu quý cùng tham gia thực hiện dự án.

- Thôn, bản, xã, huyện, tỉnh nơi triển khai dự án.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh) triển khai hoặc tham gia vào dự án dược liệu quý hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động

trở lên là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), có cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu của các dự án trên.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án dược liệu quý.

b) Điều kiện thực hiện

- Điều kiện về địa điểm triển khai: Địa điểm triển khai thực hiện dự án dược liệu quý phải đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Là huyện có xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

+ Là huyện vùng dân tộc thiểu số và miền núi có ít nhất 50% tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số.

+ Có tiềm năng phát triển các loại dược liệu quý có giá trị y tế và kinh tế cao.

+ Đối với các dự án có đề xuất triển khai trồng, phát triển Sâm Việt Nam cần có độ cao từ 1.000 mét trở lên so với mực nước biển.

- Điều kiện về diện tích triển khai dự án:

+ Tổng diện tích triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, bao gồm các khu vực: các vùng nuôi trồng dược liệu quý, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý có 30 ha ứng dụng công nghệ cao.

+ Tổng diện tích triển khai dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao tối thiểu là 50 ha bao gồm khu vực: bảo tồn, lưu giữ nguồn gen, cây đầu dòng, giống gốc, nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm, sản xuất giống gốc, sản xuất giống thương phẩm, cơ sở hạ tầng, giao thông, điện, nước trong hàng rào dự án.

- Đối tượng cây dược liệu quý: Việc lựa chọn cây dược liệu để triển khai thực hiện dự án dược liệu quý đáp ứng yêu cầu sau:

+ Thuộc danh mục dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao tại Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục 100 dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020 - 2030.

+ Phù hợp với điều kiện sinh trưởng phát triển tại địa phương, cho năng suất, chất lượng cao.

+ Ưu tiên bảo tồn phát triển cây dược liệu tại địa phương, thuộc danh mục cây dược liệu quý, hiếm, đặc hữu theo quy định của Bộ Y tế.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học, hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và thiết bị.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

- Nhà nước hỗ trợ chi phí sản xuất giống gốc và chi phí sản xuất giống thương phẩm đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao.

d) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ thực hiện dự án dược liệu quý từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

đ) Mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

e) Trình tự thủ tục: Chủ dự án liên hệ Cục Quản lý Y Dược cổ truyền để được hướng dẫn.

g) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định

- Thông tư số 10/2022/TT- BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

1. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình và nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt là cơ sở). Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

- Có phương án tiêu thụ sản phẩm hoặc hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Vật tư hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ là vật tư được phép sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo quy định.

- Thông tin truy xuất nguồn gốc đầy đủ từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; nội dung quảng cáo phù hợp, theo quy định của pháp luật.

c) Mục đích hỗ trợ: khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

d) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí xác định diện tích đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ).

- Hỗ trợ một lần về vật tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các cơ sở, cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ phân bón hữu cơ đối với lĩnh vực trồng trọt. Mức hỗ trợ như sau: sầu riêng, xoài, bưởi, dưa lưới: 25 triệu đồng/ha; chôm chôm, hồ tiêu, ca cao: 20 triệu đồng/ha; rau ăn quả: 12 triệu đồng/ha; cây điều: 10 triệu đồng/ha; lúa và rau ăn lá: 09 triệu đồng/ha.

+ Hỗ trợ thức ăn hữu cơ đối với lĩnh vực chăn nuôi. Mức hỗ trợ đối với heo: 08 triệu đồng/đơn vị vật nuôi; gà: 05 triệu đồng/đơn vị vật nuôi.

- Hỗ trợ một lần chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ (chứng nhận lần đầu hoặc chứng nhận lại), bao gồm: tư vấn, đào tạo, kiểm nghiệm, đánh giá chuyển đổi, đánh giá cấp giấy chứng nhận, giám sát:

+ Hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nước ngoài cho đối tượng là doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ

gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/giấy chứng nhận.

+ Hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn nước ngoài cho đối tượng là doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ). Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/giấy chứng nhận.

- Hỗ trợ một lần chi phí thực hiện truy xuất nguồn gốc và quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, cụ thể:

+ Hỗ trợ chi phí tài khoản quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc, mức hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/cơ sở. Thời gian hỗ trợ trong 01 năm.

+ Hỗ trợ chi phí mua tem truy xuất nguồn gốc, mức hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng/cơ sở.

+ Hỗ trợ quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/cơ sở.

đ) Thời hạn hỗ trợ: đến năm 2030

e) Trình tự, thủ tục: Phê duyệt dự án nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

h) Cơ quan phối hợp thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, ngành có liên quan.

i) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị Quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

2. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a) Đối tượng hỗ trợ: nông dân, tổ chức đại diện của nông dân, các doanh nghiệp trong nước thực hiện liên kết với nông dân, tổ chức đại diện của nông dân thông qua các hợp đồng cung cấp dịch vụ, vật tư đầu vào cho sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Có dự án cánh đồng lớn đạt các tiêu chí bắt buộc sau:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp.

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất.

+ Đáp ứng một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

+ Quy mô diện tích tối thiểu của cánh đồng lớn theo từng nhóm cây trồng chính như sau: Nhóm cây rau, hoa, cây dược liệu: 05ha liền thửa; Nhóm cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày (lúa, bắp, đậu, mì, mía,...): 50ha không nhất thiết phải liền thửa nhưng phải nằm trong cùng một vùng sản xuất chuyên canh tập trung; Nhóm cây ăn quả (xoài, bưởi, sầu riêng, chôm chôm, chuối, mít, thanh long,...); cây công nghiệp lâu năm (cà phê, điều, ca cao, cao su, mắc ca...): 50ha; riêng cây tiêu: 20ha không nhất thiết phải liền thửa nhưng phải nằm trong cùng một vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

- Có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với các doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân trong dự án cánh đồng lớn.

c) Mục đích hỗ trợ: nhằm hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản thuộc các dự án cánh đồng lớn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nội dung hỗ trợ: các doanh nghiệp tham gia dự án cánh đồng lớn được hưởng các chính sách ưu đãi quy định từ Điều 6 đến Điều 10 của Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh gồm một số nội dung hỗ trợ chủ yếu như: ưu đãi về đất đai; đào tạo nguồn nhân lực; cơ sở hạ tầng; xúc tiến thương mại; tín dụng ưu đãi; hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp; hỗ trợ khoa học công nghệ.

đ) Mức hỗ trợ:

- Ưu đãi về đất đai: được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa, nhà ở cho công nhân, văn phòng làm việc phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: được hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, tổ chức lớp học.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng: định mức cụ thể tại quy định kèm theo Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh.

- Chính sách xúc tiến thương mại: được hỗ trợ theo Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của UBND tỉnh; được ưu tiên tham gia hội nghị giao thương, tham gia các đoàn xúc tiến thương mại, điều tra, khảo sát thị trường.

- Chính sách tín dụng ưu đãi: được vay vốn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chính sách giảm tổn thất trong nông nghiệp: được hỗ trợ theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Chính sách khoa học công nghệ: được hưởng các chính sách khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: nhà đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn hỗ trợ.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: (0251) 3.822.933; (0251) 3.828.680.

h. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

- Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, sửa đổi nội dung (Quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) được ban hành tại Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VI. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

1. Ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, cho thuê

a) Đối tượng hỗ trợ: chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, cho thuê

b) Nội dung hỗ trợ:

- Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất của dự án; chủ đầu tư không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn và không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

- Được ưu đãi thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

- Được hưởng lợi nhuận định mức tối đa 10% tổng chi phí đầu tư xây dựng đối với phần diện tích xây dựng nhà ở xã hội;

- Được dành tỷ lệ tối đa 20% tổng diện tích đất ở trong phạm vi dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh dịch vụ, thương mại, nhà ở thương mại. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được hạch toán riêng, không được tính chi phí đầu tư xây dựng phần công trình kinh doanh dịch vụ, thương mại, nhà ở thương mại này vào giá thành nhà ở xã hội và được hưởng toàn bộ lợi nhuận đối với phần diện tích công trình kinh doanh dịch vụ, thương mại, nhà ở thương mại này; trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thì chủ đầu tư nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp phương án quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt không bố trí quỹ đất riêng để xây dựng công trình kinh doanh dịch vụ, thương mại, nhà ở thương mại trong phạm vi dự án thì chủ đầu tư dự án được dành tỷ lệ tối đa 20% tổng diện tích sàn nhà ở của dự án để kinh doanh dịch vụ, thương mại. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được hạch toán riêng, không được tính chi phí đầu tư xây dựng phần diện tích kinh doanh dịch vụ, thương mại này vào giá thành nhà ở xã hội và được hưởng toàn bộ lợi nhuận đối với phần diện tích kinh doanh dịch vụ, thương mại này;

- Được vay vốn với lãi suất ưu đãi; trường hợp xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê thì được vay vốn với lãi suất thấp hơn và thời gian vay dài hơn so với trường hợp xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ;

- Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ thực hiện đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực, bảo đảm đồng bộ hạ tầng xã hội trong và ngoài phạm vi dự án;

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện của địa phương ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn phù hợp với thẩm quyền và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - Ưu đãi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- c) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

VII. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

1. Chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến công

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các tổ chức cá nhân liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương”.

- Các đối tượng theo chương trình, đề án được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ.

- Nhiệm vụ, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện).

- Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

- Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

- Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện)

c) Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển.

d) Nội dung hỗ trợ:

- Nội dung chi hoạt động khuyến công quy định tại Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, lập quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

- Tổ chức xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về địa phương theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND.

- Tổ chức thực hiện chương trình, đề án được Hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống.

đ) Mức hỗ trợ: theo Điều 7 và Điều 8 Chương II của Quy chế.

e) Thời hạn hỗ trợ: kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp - Sở Công Thương Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 thay thế Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 về ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

2. Hỗ trợ về thương mại điện tử

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng phát triển hạ tầng và dịch vụ phát triển thương mại điện tử: xây dựng, nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác vận hành, quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý và Xây dựng phần mềm quản lý về thương mại điện tử, giao dịch điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí đối với dự án, đề án dưới 15 tỷ đồng.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử do cơ quan nhà nước đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý: Hỗ trợ 100% chi phí với mức tối đa 200 triệu đồng/01 đề án, đề tài.

- Hỗ trợ tổ chức hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về thương mại điện tử, giao dịch điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt tổ chức trong, ngoài nước: Hỗ trợ 100% chi phí với mức tối đa 120 triệu đồng/01 (một) đề án, đề tài thực hiện trong tỉnh Đồng Nai; mức tối đa 200 triệu đồng/01 (một) đề án, đề tài thực hiện ngoài tỉnh Đồng Nai; Mức tối đa 500 triệu đồng/ 01 (một) đề án, đề tài thực hiện ở nước ngoài.

- Hỗ trợ tư vấn, quản trị, vận hành, quản lý duy trì, cập nhật thông tin, giải pháp bảo mật và an toàn thông tin cho sàn giao dịch thương mại điện tử do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý: 100% chi phí, tối đa 300 triệu đồng/năm.

- Hỗ trợ gian hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử để thực hiện giới thiệu, quảng bá, bán hàng trực tuyến: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, tối đa 05 năm (60 tháng) cho đối tượng là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ điều tra thống kê, nghiên cứu thị trường về thương mại điện tử: 100% chi phí, tối đa 1.000 triệu đồng/cuộc 100% chi phí, tối đa 1.000 triệu đồng/cuộc - điều tra thống kê về thương mại điện tử. Và 100% chi phí, tối đa 200 triệu đồng/cuộc- nghiên cứu thị trường về thương mại điện tử

- Hỗ trợ hợp tác về thương mại điện tử: hỗ trợ 100% chi phí, tối đa 10 triệu đồng/người đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh khi tham gia các hoạt động hợp tác về thương mại điện tử ngoài tỉnh Đồng Nai và Hỗ trợ 100% chi phí, tối đa 20 triệu đồng/người đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã khi

tham gia các hoạt động hợp tác về thương mại điện tử tại khu vực Châu Á. Hỗ trợ 100% chi phí, tối đa 30 triệu đồng/người đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã khi tham gia các hoạt động hợp tác về thương mại điện tử tại các khu vực nước ngoài khác (Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á, Trung Mỹ, Mỹ La Tinh)

c) Cơ quan chủ trì thực hiện việc hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ:

- Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai, địa chỉ: Số 2, Nguyễn Văn Trị, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai;

- Thông tin người liên lạc: Ông Đặng Trần Nhật Thoại

- Số điện thoại 02513.822.216 - di động 0913.653.356

3. Hỗ trợ chương trình xúc tiến thương mại:

3.1. Hỗ trợ chi phí “ Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung Hỗ trợ:

+ Chi phí mua tư liệu;

+ Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

+ Chi phí xuất bản và phát hành;

+ Các khoản chi phí khác: đi lại, chụp hình, quay phim sản phẩm.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí, tối đa với một nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh
- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;
- Email: linhxttmdn@gmail.com
- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.2. Hỗ trợ tổ chức đào tạo, tập huấn

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung Hỗ trợ:

- Nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân, cán bộ, công chức, viên chức.

- Kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ, mạng lưới phân phối.

- Khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân hoạt động trong những ngành đặc thù.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí, tối đa không quá 80 triệu đồng/lớp học gồm: Chi phí thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, văn phòng phẩm phục vụ lớp học; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu; chi phí nước uống phục vụ lớp học; chi phí thù lao, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại của giảng viên.

d) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương
- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh
- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;
- Email: linhxttmdn@gmail.com
- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

đ) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.3. Hỗ trợ tổ chức Hội nghị kết nối giao thương; hội nghị kết nối cung cầu:

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;
- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;
- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung Hỗ trợ:

- Đối với đơn vị chủ trì: Thuê hội trường, máy chiếu; trang thiết bị; trang trí hội trường; văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị; chi giải khát giữa giờ; chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị; tiền ăn cho đại biểu là khách mời trung ương và đại biểu ngoài tỉnh; công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị, chi làm thêm giờ, hỗ trợ tối đa 02 người của đơn vị chủ trì.

- Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại cho 01 người/đơn vị tham gia, tối đa không quá 08 triệu đồng/lần.

c) Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa không quá 200 triệu đồng/ hội nghị.

d) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh;

- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;

- Email: linhxtttmdn@gmail.com

- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.4. Hỗ trợ tổ chức, tham gia các gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với gian hàng chung tỉnh Đồng Nai tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, trang trí; vận chuyển; bốc vác, bảo vệ; thuyết minh gian hàng; tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm của tỉnh tại hội chợ triển lãm; công tác phí cho cán bộ thực hiện tổ chức chương trình; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức gồm: Phí thẩm định giá, đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa không quá 350 triệu

đồng/lần tham gia hội chợ, quy mô không quá 10 gian tiêu chuẩn hoặc 90m² đất trống/01 hội chợ.

- Đối với doanh nghiệp tham gia tự tổ chức gian hàng: Chi phí thuê gian hàng (kể cả chi phí thuê mặt bằng). Mức hỗ trợ: tối đa 70% chi phí, tối đa không quá 20 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh;

- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;

- Email: linhxttmdn@gmail.com

- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.5. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động bán hàng Việt đến người tiêu dùng:

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với chương trình đưa hàng Việt về nông thôn: Hỗ trợ thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; vận chuyển; ca nhạc – văn nghệ; tổ chức khai mạc, bế mạc; điện nước, vệ sinh môi trường, an toàn trật tự, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí

quản lý của đơn vị tổ chức gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ. Mức hỗ trợ 100% chi phí, tối đa không quá 105 triệu đồng/1 đợt.

- Đối với chương trình tổ chức phiên chợ hàng Việt phục vụ công nhân: hỗ trợ thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; vận chuyển; tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc; ca nhạc – văn nghệ; điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ nhân công phục vụ. Mức hỗ trợ 100% chi phí, tối đa không quá 190 triệu đồng/1 phiên.

- Đối với chương trình tổ chức các chuyến xe hàng Việt phục vụ công nhân: Hỗ trợ chi phí vận chuyển; tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; vệ sinh môi trường; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức gồm: phí thẩm định giá, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa không quá 15 triệu đồng/1 chuyến.

- Đối với tổ chức chương trình tuần hàng Việt Nam: hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục vụ. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa không quá 190 triệu đồng/1 đợt.

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương
- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh;
- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;
- Email: linhxttmdn@gmail.com
- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.6. Hỗ trợ xây dựng “Điểm bán hàng Việt Nam”

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với đầu tư mới “Điểm bán hàng Việt Nam”: Hỗ trợ tư vấn, thiết kế, trang trí; đầu tư xây dựng, cải tạo, tu sửa cửa hàng; kệ, tủ, giá trưng bày, biển hiệu, chi phí khảo sát, tuyên truyền, quảng bá, tổ chức khai trương (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng). Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa 85 triệu đồng/điểm.

- Đối với duy trì “Điểm bán hàng Việt Nam”: hỗ trợ thay biển hiệu mới, hỗ trợ một lần sau 03 năm từ ngày khai trương. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa 10 triệu đồng/điểm.

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh

- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;

- Email: linhxttmdn@gmail.com

- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.7. Hỗ trợ xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với Đầu tư mới điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Hỗ trợ tư vấn, thiết kế, trang trí; đầu tư xây dựng, cải tạo, tu sửa cửa hàng; kệ, tủ, giá trưng bày, biển hiệu, chi phí khảo sát, tuyên truyền, quảng bá, tổ chức khai trương (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng). Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa 85 triệu đồng/điểm.

- Đối với Duy trì điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Hỗ trợ Quản lý, duy trì, khai thác, hỗ trợ đều trong 12 tháng của năm kế tiếp sau ngày khai trương. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa 60 triệu đồng/ điểm tại các thành phố và 36 triệu đồng/điểm tại các huyện.

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương;

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh;

- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;

- Email: linhxttmdn@gmail.com

- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.8. Hỗ trợ tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia.

- Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu.

- Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch.

- Các khoản chi phí khác (nếu có).

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình (hỗ trợ cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08 đến 15 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 16 doanh nghiệp trở lên).

c) Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

d) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh;

- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;

- Email: linhxtttmdn@gmail.com

- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

đ) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.10. Hỗ trợ tổ chức, tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;

- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;

- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với Tổ chức gian hàng chung tỉnh Đồng Nai tham gia hội chợ: hỗ trợ thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng, trang trí gian hàng; chi phí vận chuyển hàng hóa; bốc vác; bảo vệ; thuyết minh gian hàng; tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch; công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì tổ chức chương trình; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức gồm: Tiền cước hành lý, tài liệu mang theo phục vụ cho đợt công tác; tiền thuê phương tiện đi lại làm việc hàng ngày tại nước đến công tác; tiền thuê phương tiện trong trường hợp phải quá cảnh (theo hành trình công tác đã được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt); phí thẩm định giá; phí tư vấn đấu thầu; tiền điện thoại, fax, internet; văn phòng phẩm; nhiên liệu xe công tác; dịch vụ sử dụng đường bộ. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa không quá 450 triệu đồng/01 lần tổ chức hội chợ, quy mô không quá 6 gian tiêu chuẩn hoặc 54m² đất trống/01 hội chợ.

- Đối với đơn vị tự tổ chức gian hàng: hỗ trợ chi phí thuê gian hàng (kể cả chi phí thuê mặt bằng). Mức hỗ trợ: tối đa không quá 200 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương
- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh – Phó Giám đốc Phụ trách trung tâm
- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;
- Email: linhxttmdn@gmail.com
- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;
- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

3.11. Hỗ trợ tham gia gian hàng của các hội chợ triển lãm quốc tế trên môi trường mạng

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai;
- Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại;
- Đơn vị tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến thương: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với tham gia gian hàng chung tỉnh Đồng Nai tại hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng: hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về gian hàng chung tỉnh Đồng Nai, mời các đơn vị tham gia, giao dịch; thuê gian hàng trực tuyến; thiết kế tổng thể và chi tiết khu gian hàng; xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, thuê tư vấn đầu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm. Mức hỗ trợ: 100% chi phí, tối đa không quá 288 triệu đồng/lượt hội chợ, không quá 12 đơn vị tham gia đối

với hội trợ, triển lãm đa ngành; 06 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm chuyên ngành.

- Đối với doanh nghiệp tham gia tự tổ chức gian hàng: hỗ trợ thuê gian hàng trực tuyến. Mức hỗ trợ 100% chi phí, tối đa không quá 24 triệu đồng/doanh nghiệp/lượt hội chợ (không quá 2 gian hàng trực tuyến/lần tham gia hội chợ).

c) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại – Sở Công thương

- Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Lĩnh;

- Số điện thoại: 02513.822.220 – 0983.813.372;

- Email: linhxttmdn@gmail.com

- Websites: <http://xttmdn.dongnai.gov.vn>

d) Văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi và mức chi chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025:

4.1. Hỗ trợ ứng vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp: Hỗ trợ ứng 100% vốn bồi thường từ Quỹ phát triển đất tỉnh để bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư.

a) Đối tượng hỗ trợ:

Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện.

b) Điều kiện hỗ trợ:

+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có tối thiểu 01 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tư.

+ Đối tượng hỗ trợ thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và hồ sơ ứng vốn, gồm bản cam kết hoàn trả (kèm theo phương án hoàn trả vốn ứng phù hợp với dự án được ứng vốn) được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng vốn Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

c) cơ quan chủ trì:

- Phòng Quản lý công nghiệp – Sở Công thương:

- Thông tin liên hệ: Ông Lục Văn thủy - Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp

- Số điện thoại: 02513.941.584 - 0913.316.716.

4.2. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp: Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp được hỗ trợ theo Chương trình này bao gồm các hạng mục theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, gồm các hạng mục sau: hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp và hệ thống các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

+ Hỗ trợ đầu tư chính trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp: Đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn.

+ Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp (không áp dụng đối với trường hợp chính trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp): Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 3 Chương trình này.

b) Nội dung và Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ đầu tư chính trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp: hỗ trợ 30% tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt, nhưng tối đa không quá 50 tỷ đồng/cụm công nghiệp. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp (không áp dụng đối với trường hợp chính trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp): hỗ trợ 20 tỷ đồng/ cụm công nghiệp có diện tích từ 30 ha trở lên và 15 tỷ đồng/ cụm công nghiệp có diện tích dưới 30 ha

d) Phương thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đầu tư chính trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp:

+ Hỗ trợ lần một với mức kinh phí là 40% tổng mức hỗ trợ (tối đa 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp) sau khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp đóng góp kinh phí lần đầu trong thời gian chuẩn bị triển khai dự án chính trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp, tương ứng với mức 40% tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt.

+ Hỗ trợ lần hai với mức kinh phí là 60% tổng mức hỗ trợ (tối đa 30 tỷ đồng/cụm công nghiệp) sau khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp đóng góp đủ tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt và khối lượng các hạng mục công trình đã thực hiện đạt 100% tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp (không áp dụng đối với trường hợp chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp): Chủ đầu tư được lựa chọn một trong những phương thức hỗ trợ sau:

+ Hỗ trợ 01 (một) lần khi khối lượng các hạng mục công trình đã thực hiện đạt từ 60% trở lên tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt.

+ Hỗ trợ nhiều lần theo khối lượng các hạng mục công trình đã thực hiện, cụ thể như sau: Hỗ trợ 20% trên tổng mức kinh phí được xem xét hỗ trợ khi khối lượng các hạng mục công trình đã thực hiện đạt 20% tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt; hỗ trợ tiếp 20% trên tổng mức kinh phí được xem xét hỗ trợ khi khối lượng các hạng mục công trình đã thực hiện đạt 40% tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt; hỗ trợ phần kinh phí còn lại theo quy định khi khối lượng các hạng mục công trình đã thực hiện đạt từ 60% trở lên tổng mức vốn đầu tư dự án được duyệt.

đ) Điều kiện hỗ trợ:

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Điều kiện chung: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoàn thành đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

+ Điều kiện cụ thể:

- Hỗ trợ đầu tư chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp: Áp dụng đối với các cụm công nghiệp được quy hoạch trên cơ sở khoanh vùng khu vực đã có dự án hiện hữu, chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy hoạch xây dựng chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tính đến thời điểm xem xét hỗ trợ có tỷ lệ lấp đầy trên 70% tổng diện tích đất công nghiệp. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp (không áp dụng đối với trường hợp chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật chung cụm công nghiệp): Ưu tiên hỗ trợ đối với cụm công nghiệp phát triển nghề truyền thống và các cụm công nghiệp tại địa bàn thành phố Long Khánh và các huyện: Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu và Thống Nhất.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp: Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp được

hỗ trợ đầu tư xây dựng theo Chương trình này bao gồm các hạng mục được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, gồm các hạng mục sau: hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, khu vực lưu giữ, xử lý chất thải rắn (nếu có).

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong tổng mức vốn đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp được duyệt, nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

- Đối tượng hỗ trợ: Đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 (một) lần.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Áp dụng hỗ trợ đối với cụm công nghiệp đã tiếp nhận dự án đầu tư trên cơ sở quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng chưa được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

+ Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Quyết định thành lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp và dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật môi trường theo quy định.

e) Cơ quan chủ trì thực hiện:

- Phòng Quản lý công nghiệp – Sở Công thương:

- Thông tin liên hệ: Ông Lục Văn thủy - Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp

- Số điện thoại: 02513.941.584 - 0913.316.716.

5. Hỗ trợ khuyến công

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.
 - Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
 - Các tổ chức cá nhân liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương”.
 - Các đối tượng theo chương trình, đề án được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống.
- b) Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện sau:
- Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ.
 - Nhiệm vụ, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện).
 - Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).
 - Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.
 - Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện)
- c) Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển.
- d) Nội dung hỗ trợ:
- Nội dung chi hoạt động khuyến công quy định tại Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, lập quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.
 - Tổ chức xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về địa phương theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày

04 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND.

- Tổ chức thực hiện chương trình, đề án được Hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống.

d) Mức hỗ trợ: theo Điều 7 và Điều 8 Chương II của Quy chế

e) Thời hạn hỗ trợ: kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại - Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.

6. Hỗ trợ theo Chương trình Khuyến công:

a) Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Có nội dung phù hợp với nội dung Chương trình Khuyến công;
- Chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi;
- Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án;
- Có chương trình, dự án, đề án khả thi, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Mục đích hỗ trợ:

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

d) Nội dung và mức hỗ trợ: theo quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

đ) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Quy định chi tiết tại Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh ban hành quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e) Cơ quan chủ trì:

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại - Sở Công thương.

- Thông tin liên hệ: Ông Vũ Ngọc Tuấn Anh;

- Số điện thoại: 0912.866.661.

g) Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

- Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh ban hành quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Chính sách khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ

a) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân quản lý, tham gia phát triển điện mặt trời mái nhà tại Việt Nam theo hình thức tự sản xuất, tự tiêu thụ.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Hoạt động mua bán sản lượng điện dư (nếu có) của điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ.

- Công suất phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại mỗi địa phương phải phù hợp với quy định tại Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ, không bao gồm điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ tại các huyện, xã hải đảo có lưới điện nhưng chưa đấu nối, liên kết với hệ thống điện quốc gia.

- Công trình xây dựng trước khi lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ phải bảo đảm đã tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, an toàn, phòng cháy chữa cháy. Phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ phải tuân thủ quy định pháp luật về an toàn điện, đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

- Trong quá trình đầu tư xây dựng điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ, tổ chức, cá nhân không sử dụng các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều nhập khẩu đã qua sử dụng.

c) Mục đích hỗ trợ:

- Giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí sử dụng điện.
- Giúp doanh nghiệp được cấp chứng chỉ xanh, phục vụ công tác xuất khẩu hàng hoá.

- Góp phần chuyển dịch năng lượng xanh, hạn chế sử dụng năng lượng hoá thạch, góp phần bảo vệ môi trường.

d) Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ.

đ) Thời hạn hỗ trợ: Đến khi Chính phủ ban hành chính sách mới thay thế, điều chỉnh chính sách tại Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024.

e) Trình tự, thủ tục: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu phát triển điện mặt trời mái nhà thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực điện lực được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực chuyên ngành khác có liên quan.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ.

VIII. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức khoa học công nghệ; các doanh nghiệp có đăng ký và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Đồng Nai.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

Không áp dụng đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hội đồng nghiệm thu, đánh giá đạt và kết luận về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm.

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 09/10/2023 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

2. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu phát triển.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức khoa học công nghệ; các doanh nghiệp có đăng ký và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Đồng Nai.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

Không áp dụng đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, doanh nghiệp.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Mục tiêu, nội dung và sản phẩm nghiên cứu phục vụ trực tiếp yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, doanh nghiệp.

- Sản phẩm nghiên cứu có khả năng ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức, doanh nghiệp có cam kết bảo lãnh vốn đối ứng tại ngân hàng.

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 09/10/2023 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số.

a) Đối tượng áp dụng:

- Các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức khoa học công nghệ; các doanh nghiệp có đăng ký và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Đồng Nai.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

Không áp dụng đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp xây dựng mô hình chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với từng vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số trong tỉnh.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có tính mới và hiệu quả hơn so với công nghệ hiện có đang áp dụng rộng rãi tại địa phương,

- Đã có quy trình kỹ thuật ổn định, phù hợp với khả năng tiếp thu của các tổ chức và người dân nơi xây dựng mô hình.

- Được công nhận là tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia đã được đánh giá, nghiệm thu từ mức đạt trở lên hoặc được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép ứng dụng chuyển giao.

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 09/10/2023 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

4. Chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao.

a) Đối tượng áp dụng:

- Các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức khoa học công nghệ; các doanh nghiệp có đăng ký và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Đồng Nai.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

- Không áp dụng đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Trường hợp mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

+ Công nghệ lựa chọn để chuyển giao, đổi mới, ứng dụng không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo Luật Chuyển giao công nghệ.

+ Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ còn hiệu lực (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xét duyệt cho triển khai và nghiệm thu theo quy định.

+ Công nghệ, thiết bị hỗ trợ có tính mới và tiên tiến hơn công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam.

- Trường hợp mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn trong thời gian không quá 03 năm kể từ thời điểm ứng dụng, chuyển giao.

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao.

+ Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề nghị hỗ trợ có phương án khả thi về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 09/10/2023 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

5. Chính sách hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí tư vấn cho doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Mục tiêu đổi mới công nghệ phải phù hợp với kế hoạch phát triển doanh nghiệp và chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực;

- Việc thực hiện lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ phải góp phần tăng ít nhất 5% giá tăng giá trị sản xuất sản phẩm;

- Doanh nghiệp thực hiện phải đảm bảo huy động đủ nguồn lực để thực hiện lộ trình công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ; ưu tiên đối ứng bằng nguồn quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Dự kiến được quy mô ứng dụng, phân khúc thị trường tiêu thụ rõ ràng.

d) Mức hỗ trợ: 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

6. Chính sách hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm để doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Sản phẩm tạo ra có tính năng, chất lượng, khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

- Việc nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất góp phần tăng ít nhất 5% giá trị của sản phẩm, năng suất lao động cao hơn so với trước khi thực hiện dự án;

- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường phải cam kết ứng dụng công nghệ được nghiên cứu, làm chủ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc dự án..

d) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí thực hiện dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

7. Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Công nghệ chuyển giao tập trung vào các ngành ưu tiên phát triển, mũi nhọn, chủ lực, cụ thể: Công nghệ sinh học; công nghệ thông tin và truyền thông; công nghệ vật liệu; công nghệ chế tạo - tự động hóa; công nghệ phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; công nghệ năng lượng; công nghệ môi trường; công nghệ xây dựng, giao thông, thương mại và hạ tầng tiên tiến, thông minh; an ninh - quốc phòng;

- Sản phẩm tạo ra đạt đủ tiêu chuẩn chất lượng, giảm thiểu những sản phẩm bị lỗi khiến hao tốn nguyên - nhiên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm dẫn đến sản phẩm có tính cạnh tranh hơn.

d) Mức hỗ trợ: 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

8. Chính sách hỗ trợ thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Có phối hợp thực hiện giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước;

- Xác định được công nghệ cần tìm kiếm: sự cần thiết, tính cấp thiết, phù hợp của công nghệ, công nghệ rõ ràng, đánh giá vai trò và tác động đối với doanh nghiệp;

- Đề xuất được phương án tìm kiếm, phát hiện công nghệ, giải mã theo yêu cầu hoặc theo đặt hàng của tổ chức, doanh nghiệp; xác định điều kiện để chuyển giao công nghệ;

- Chứng minh được khả năng ứng dụng, làm chủ, chuyển giao khai thác hiệu quả công nghệ được tìm kiếm;

- Công nghệ cần chuyển giao, ứng dụng, làm chủ và giải mã là công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

d) Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

9. Chính sách hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ:

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Có phối hợp giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ;

- Có báo cáo khả thi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ;

- Thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới công nghệ phải cam kết hoạt động nghiên

cứu khoa học và phát triển công nghệ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc dự án.

d) Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

10. Chính sách hỗ trợ việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất thông minh

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Mô hình quản trị, sản xuất thông minh tập trung vào các ngành ưu tiên, mũi nhọn và ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao;

- Thực hiện mô hình phải góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tăng giá trị sản phẩm;

- Dự kiến được quy mô ứng dụng, mở rộng thị trường của mô hình.

d) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

11. Chính sách hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có đủ năng lực thực hiện;

- Sản phẩm tạo ra có khả năng cạnh tranh cao, có tiềm năng về lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, giúp doanh nghiệp phát triển nhanh về chất lượng và quy mô;

- Chứng minh được hiệu quả của dự án:

+ Đối với dự án sản xuất sản phẩm mới phải tạo ra sản phẩm có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

+ Việc thay đổi quy trình công nghệ góp phần tăng ít nhất 5% giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động.

d) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

12. Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Xác định được thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của nơi thực hiện dự án và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái;

- Mô hình phù hợp với nhu cầu phát triển và điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương;

- Doanh nghiệp chủ trì phải chứng minh được khả năng huy động đủ nguồn vốn đối ứng và sử dụng, nhân rộng mô hình dự án; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng nguồn vốn từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình.

d) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

13. Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ phục vụ việc duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp đến công tác triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết;

Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ phục vụ việc duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

- Mục tiêu, nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế địa phương;

- Xác định được tiềm năng, thế mạnh sản phẩm của các vùng miền, các làng nghề và làng nghề truyền thống;

- Có khả năng phối hợp với các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư để xây dựng các dự án nghiên cứu triển khai, ứng dụng công nghệ theo thế mạnh, đặc trưng của các vùng, miền;

- Ưu tiên các dự án góp phần hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững ứng dụng công nghệ tiên tiến tại mỗi vùng sinh thái.

d) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp thông qua giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2024 đến năm 2030.

g) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

h) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

14. Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước:

a) Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Không áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: tối đa 30 triệu đồng/đơn;

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: tối đa 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ;

- Đối với giống cây trồng mới: tối đa 30 triệu đồng/đơn;

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài: tối đa 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua hình thức Dự án xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hoá của tỉnh trên cơ sở kết quả thẩm định tổng mức kinh phí từng dự án cụ thể, theo Thông tư 55/2015/TTIT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện theo quy định quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- c) Thời gian hỗ trợ: Có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến năm 2030.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện theo quy định quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

15. Chính sách hỗ trợ tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo. b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền của tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyên trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

- Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số

90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt là Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND); Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt là Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND).

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

16. Chính sách hỗ trợ tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo. b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị.

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 161/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân để tổ chức cuộc thi khởi

ng nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy chế xét tặng giải thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

17. Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo. b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ các cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh thực hiện mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế. Mức hỗ trợ cụ thể xem xét trên các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

- Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

+ Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia 15 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

+ Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia 40 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

+ Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

+ Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái

khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

18. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đối với các dự án sửa chữa lần đầu (gồm sửa chữa, cải tạo, mua sắm lắp đặt trang thiết bị của dự án), lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin trong trường hợp đơn vị đã có sẵn mặt bằng, cơ sở hạ tầng để hình thành Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí dự án nhưng tối đa 01 tỷ đồng/dự án được phê duyệt.

- Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kinh phí hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/đơn vị và mỗi đơn vị được hỗ trợ 01 lần.

- Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hỗ trợ 100% tổng kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn, kinh phí hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

19. Chính sách hỗ trợ hoạt động truyền thông về khởi nghiệp sáng tạo

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

20. Chính sách hỗ trợ kết nối mạng lưới khởi nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm trong nước, khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND. Trong đó:

+ Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Hỗ trợ 70% dự toán kinh phí thực hiện.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Hỗ trợ 50% dự toán kinh phí thực hiện.

- Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới:

+ Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia 10 triệu đồng/chuyên gia/chương trình.

+ Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

+ Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

21. Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp (có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp sáng tạo.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, quốc gia hoặc quốc tế.

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

+ Nhiệm vụ hỗ trợ được thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

+ Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

+ Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: 10 doanh nghiệp/năm và hỗ trợ 01 năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Hỗ trợ 80 triệu đồng/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí được phê duyệt để thực hiện nội dung này.

+ Nhiệm vụ hỗ trợ được thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

+ Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

+ Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: 10 doanh nghiệp/năm

- Hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài:

+ Hỗ trợ 01 người/doanh nghiệp, mức hỗ trợ 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: 10 doanh nghiệp/năm.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2021 đến năm 2025.

d) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

đ) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện đề án “hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

22. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ góp phần nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế.

- Thực hành, áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP...); quy trình, hệ thống tiên tiến thân thiện với môi trường (thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất xanh.) và chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng và sức khỏe nghề nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyên đổi số, đề thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa công tác quản trị hoạt động tại các tổ chức, doanh nghiệp.

- Tham gia và đạt giải giải thưởng chất lượng Quốc gia, giải thưởng chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương (nếu có).

- Áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ khác hỗ trợ sản xuất và dịch vụ thông minh.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tổng giá trị hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (không bao gồm vốn đối ứng) với tổng giá trị hợp đồng được xây dựng theo nội dung chi và mức chi.

d) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/01/2022 đến năm 2030.

đ) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

e) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh

nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

IX. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN QUAN KINH TẾ TẬP THỂ

1. Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm

a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

b) Nội dung hỗ trợ:

- Vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Chính phủ;

- Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và các định chế tài chính theo quy định của pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững;

- Hỗ trợ tăng cường năng lực tài chính cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;

- Ưu tiên, hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, ngành, địa phương.

c) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Hợp tác xã năm 2023

2. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro

a) Đối tượng hỗ trợ: hợp tác xã quy mô siêu nhỏ và nhỏ; hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí kiểm toán cho hợp tác xã quy mô siêu nhỏ và nhỏ khi được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

- Hỗ trợ tổ chức đại diện, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam trong việc thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn tài chính; tư vấn kiểm soát nội bộ, tư vấn kiểm toán nội bộ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Hợp tác xã năm 2023

3. Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị

a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, Chuyển giao một số công trình kết cấu hạ tầng của Nhà nước phục vụ lợi ích

chung của cộng đồng cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật. Chuyển giao một số công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Hợp tác xã năm 2023

4. Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đối tượng hỗ trợ: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính; đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất và lưu thông sản phẩm thông qua xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cung cấp thiết bị đầu cuối và phần mềm, ứng dụng dùng chung.

- Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Hỗ trợ kinh phí cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở nhu cầu và theo hợp đồng được ký kết với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn.

c) Văn bản Quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Hợp tác xã năm 2023

5. Hỗ trợ vay vốn tại Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị kinh tế trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Các thành viên, người lao động đang làm việc trong Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Liên hiệp Câu lạc bộ năng suất cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Đối với thể nhân:

+ Cam kết sử dụng số tiền trợ vốn đúng mục đích, chấp thuận các quy định của Quỹ và hoàn trả vốn phí, tiết kiệm đúng hạn.

+ Không còn nợ vốn đối với Quỹ hoặc bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác, trong cùng gia đình đang còn nợ tiền trợ vốn của Quỹ.

+ Thành viên xin trợ vốn đã từng vi phạm những quy định về thời gian hoàn trả vốn, phí, tiết kiệm nhưng đến thời điểm xin trợ vốn đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả vốn thì tùy trường hợp cụ thể Giám đốc Quỹ quyết định.

- Đối với pháp nhân:

+ Cam kết sử dụng số tiền trợ vốn đúng mục đích, chấp thuận các quy định của Quỹ và hoàn trả vốn phí đúng hạn.

+ Có năng lực sản xuất ổn định, phương án kinh doanh khả thi đang cần vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

c) Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ, khuyến khích Hợp tác xã, Tổ hợp tác dưới hình thức ưu đãi về vốn.

d) Nội dung hỗ trợ:

- Đối với thể nhân: hỗ trợ từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

- Đối với pháp nhân: hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng (trường hợp đặc biệt có thể trên mức tối đa).

đ) Thủ tục hỗ trợ: theo quy định của Quỹ.

e) Cơ quan chủ trì thực hiện: Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0618.870.693.

g) Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 10/11/2008 của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai ban hành quy chế hoạt động của Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã.

X. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

1. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: các doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí

xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;
- Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;
- Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến;

c) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Miễn phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp.

- Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Doanh nghiệp nhỏ và vừa truy cập hệ thống đào tạo trực tuyến để học tập theo thời gian phù hợp. Hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm nền tảng quản trị đào tạo trực tuyến, nền tảng đào tạo trực tuyến và hệ thống nội dung bài giảng trực tuyến.

- Miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác).

- Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp.

d) Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã có nhu cầu về đào tạo có thể liên hệ Sở Tài chính để được hướng dẫn đăng ký tham dự.

đ) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ: Địa chỉ: Số 312 đường CMT8, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3847485 - 3847778

e) Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.